

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Nguyễn Thị Túy¹

TÓM TẮT

Hiện nay, Việt Nam đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Để thực hiện nhiệm vụ trên, bên cạnh các nguồn lực như: vốn, khoa học - công nghệ, tài nguyên, nguồn lực con người là nhân tố quan trọng hàng đầu. Trên cơ sở đánh giá thực trạng nguồn nhân lực, cần tập trung thực hiện một cách quyết liệt các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì sự phát triển bền vững của đất nước.

Từ khóa: *Chất lượng nguồn nhân lực, công nghiệp hóa, hiện đại hóa*

1. Đặt vấn đề

Trong xu thế phát triển nhanh của khoa học công nghệ, của toàn cầu hóa và đặc biệt là sự nổi lên của nền kinh tế tri thức, nguồn lực con người đang là yếu tố đóng vai trò quyết định sự phát triển theo chiều hướng tiến bộ của xã hội. Hiện nay, phát triển bền vững được xác định là chiến lược ưu tiên hàng đầu của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Một trong những cơ sở, nền tảng quan trọng nhất để thực hiện chiến lược phát triển đó là nguồn lực con người. Quốc gia nào có chiến lược đúng đắn trong việc phát huy nguồn lực con người, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động thì sẽ thắng thế trong cạnh tranh. Bởi vì mọi của cải vật chất đều do con người làm nên, suy cho cùng mọi sự phát triển đều kết tinh từ sức lực và trí tuệ của con người, tất cả đều do con người kiến tạo nên.

Với Việt Nam, trong bối cảnh nền kinh tế đang đòi hỏi tái cấu trúc một cách cấp thiết; lại là một nước đi sau, muốn đi tắt đón đầu nhằm rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tham gia tích cực vào sự phân công lao động quốc tế; tập trung khai

thác và sử dụng có hiệu quả các thế mạnh quốc gia để tăng tốc phát triển, từng bước hội nhập và bắt kịp với sự tiến bộ của thế giới thì việc xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đang trở thành yếu tố sống còn, là nhu cầu vô cùng cấp thiết. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi con người là trung tâm, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển, phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho phát triển nhanh và bền vững. Nói cách khác, muốn đất nước phát triển bền vững không thể không chăm lo phát triển con người, đúng như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) đã khẳng định: “Nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa” [1, tr. 114-115]. Như vậy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vừa là yêu cầu cấp thiết vừa là nhiệm vụ then chốt, một đột phá chiến lược trong xây dựng và phát triển đất nước. Việt Nam cần nhanh chóng đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tiến tới “nền kinh tế tri thức”; thu hút, trọng dụng và phát huy

¹Trường Đại học Đồng Nai

Email: phuongtuyhdongnai@gmail.com

tài năng, giá trị của nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao để hòa nhập vào xu thế phát triển chung của toàn cầu.

2. Nội dung

2.1. Vai trò quyết định của chất lượng nguồn nhân lực đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế chỉ đạt được thắng lợi khi chúng ta biết khai thác hợp lý và sử dụng hiệu quả tất cả các nguồn lực. Song yếu tố giữ vai trò quyết định nhất, đảm bảo cho sự thắng lợi của quá trình đó chính là nguồn lực con người. Điều này được khẳng định dựa trên những cơ sở sau:

Thứ nhất, nguồn nhân lực là nguồn lực quyết định và phát huy tổng thể các nguồn lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, là nhân tố quyết định việc khai thác, sử dụng, bảo vệ và tái tạo các nguồn lực khác. Nguồn nhân lực có chất lượng tốt vừa là mục tiêu vừa là động lực chính thúc đẩy thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, đồng thời cũng chính là yếu tố quan trọng, quyết định tốc độ và sự phát triển bền vững của một quốc gia trong điều kiện hội nhập quốc tế. Con người luôn hướng tới những điều tốt đẹp nhất, chính vì vậy bất kể một hoạt động nào của con người đều có mục đích cụ thể, rõ ràng. Suy cho cùng thì mọi hoạt động sản xuất hàng hóa đang diễn ra cũng nhằm mục đích cuối cùng phục vụ con người và vì con người. Ngược lại, các nguồn lực tự nhiên chỉ tồn tại dưới dạng tiềm năng, nếu không được con người khai thác trong quá trình lao động thì sẽ trở thành vô dụng, lao động, nhân lực con người là nguồn lực duy nhất có khả

năng phát hiện, khơi dậy và cải biến các nguồn lực tự nhiên và xã hội khác. Do đó, muốn đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa một cách bền vững không thể không chăm lo phát triển con người. Đảng ta xác định rất rõ rằng: “con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển”.

Thứ hai, nguồn nhân lực đóng vai trò quyết định tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Điểm mấu chốt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay là phải phát huy cao độ nguồn lực con người, đi tắt, đón đầu tiếp cận, ứng dụng những thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm sản xuất hiện đại thực hiện tối ưu và có hiệu quả cao trong quá trình lao động, sản xuất, thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững. Trong thời đại khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão như hiện nay, không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được các nước trên thế giới xem là chiến lược phát triển bền vững bởi đó chính sức mạnh chi phối, làm tăng khả năng cạnh tranh và quyết định bước tiến của các nền kinh tế. Với Việt Nam, trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển nguồn nhân lực là khâu đột phá của quá trình chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đồng thời là nền tảng của sự phát triển bền vững.

Thứ ba, nguồn nhân lực từng bước được nâng cao về chất lượng cao là điều kiện để nâng cao lợi thế cạnh tranh trong quá trình hội nhập quốc tế. Năng suất lao động không chỉ được coi là thước đo năng lực, hiệu quả sản xuất của nền kinh tế mà đây còn là tiêu chí cơ bản để đánh giá, xác định năng lực

cạnh tranh của các quốc gia trên thế giới. Mỗi bước tiến về năng suất lao động chính là việc khơi dậy và phát huy tối đa hiệu quả của rất nhiều nguồn lực, trong đó quan trọng và quyết định nhất chính là nguồn nhân lực, chất lượng nguồn nhân lực. Trong xu thế hội nhập ngày càng sâu rộng, quá trình phân công sản xuất trong chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu sẽ kéo theo sự tái phân bố lao động và sự phụ thuộc lẫn nhau của thị trường lao động các quốc gia. Lao động dồi dào, giá rẻ không còn là lợi thế đối với các nước trong bối cảnh mới hiện nay mà thay vào đó là chất lượng nguồn nhân lực với yêu cầu ngày càng cao về các tiêu chí: thể lực; trí lực; nhân cách; năng động xã hội. Ở Việt Nam hiện nay, với lợi thế cơ cấu “dân số vàng” cùng với định hướng chiến lược “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao” chính là yếu tố nền tảng cho sự phát triển nhanh, bền vững và là điều kiện cơ bản cho hội nhập quốc tế thành công.

2.2. Thực trạng chất lượng nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay

Hiện nay, Việt Nam hiện có nguồn nhân lực khá dồi dào so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2018, Việt Nam có trên 55,4 triệu người trong độ tuổi lao động (tính từ 15 tuổi trở lên) trên tổng số 94,7 triệu người (chiếm 58,5% dân số cả nước). Trong đó, tỷ lệ lao động nữ tham gia vào lực lượng lao động đạt 47,8%, tỷ lệ lao động nam đạt 52,2%. Cơ cấu lực lượng lao động chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn chiếm 67,4%, khu vực thành thị là chiếm 32,6% [2, tr. 83]. Như vậy, Việt Nam đang trong thời kỳ cơ cấu “dân số

vàng” với 58,5% dân số trong tuổi lao động chính là một lợi thế của quá trình tăng tốc và phát triển nhanh về kinh tế.

Cơ cấu lao động xã hội đã chuyển dịch theo hướng tích cực, chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện, phục vụ tốt hơn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa: Lao động làm việc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 20,5 triệu người (chiếm 37,7%); khu vực công nghiệp và xây dựng là 14,5 triệu người (chiếm 26,7%); khu vực dịch vụ 19,3 triệu người (chiếm 35,6%) [2, tr. 83]. Lực lượng lao động đã được thu hút vào làm việc trong nền kinh tế là khá cao, số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế tăng từ 42,7 triệu người 2005, tăng lên 52,8 triệu người năm 2015 và 54,2 triệu người năm 2018 [2, tr. 146].

Chất lượng nguồn nhân lực đang có những chuyển biến tích cực trên nhiều phương diện như: trình độ học vấn, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, thể lực, kỹ năng... Văn hóa, xã hội có bước phát triển, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được chú trọng “tuổi thọ trung bình tăng, đạt 73,3 tuổi vào năm 2015” [3, tr. 239]. Mạng lưới giáo dục, đào tạo phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng, quy mô đào tạo không ngừng được mở rộng với nhiều lĩnh vực và ngành nghề đào tạo khác nhau. Trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, cơ cấu đào tạo hợp lý hơn, đã góp phần tích cực trong việc cung ứng nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng tốt hơn yêu cầu mới của xã hội.

Năm 2018, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào

tạo có trình độ chuyên môn kỹ thuật đạt 21,9% (cao hơn mức 21,4% của năm 2017), trong đó lao động đã qua đào tạo khu vực thành thị đạt 38%, khu vực nông thôn đạt 14,3%; phân theo giới tính tỷ lệ này là 24,4% đối với nam và 19,3% đối với nữ [2, tr. 156]. Một bộ phận nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao đã, đang và tiếp tục làm chủ khoa học, công nghệ mới hiện đại, khai thác và sử dụng có hiệu quả những lợi thế của Việt Nam, đáp ứng được sự phát triển tăng tốc của các ngành nghề công nghệ cao, ngành nghề dịch vụ mới như: công nghệ thông tin, viễn thông, vật liệu mới, công nghệ sinh học, máy móc thiết bị chính xác, hàng không, ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, tư vấn kinh tế và pháp luật... Năng suất lao động có xu hướng ngày càng tăng: theo cách tính năng suất lao động đo bằng tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo giá hiện hành chia cho tổng số người làm việc bình quân trong 01 năm, năng suất lao động năm 2005 là 21,4 triệu đồng/người, năm 2010 là 44,0 triệu đồng/người, năm 2011 đạt 55,2 triệu đồng/người, năm 2012 là 63,1 triệu đồng/người, sơ bộ năm 2013 là 68,7 triệu đồng/người [4, tr. 131].

Đội ngũ cán bộ các cấp có sự trưởng thành rõ rệt, tăng lên cả về số lượng lẫn chất lượng. Về số lượng, “tính đến tháng 3/2017, tổng số cán bộ, công chức viên chức là 2.726.917 người, trong đó: cán bộ, công chức là 611.069 người; viên chức là 1.983.981 người” [5, tr. 18]. Về chất lượng: đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước thuộc hệ thống chính trị ngày càng được nâng lên, từng

bước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của tình hình mới. “Trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ... và năng lực, kinh nghiệm thực tiễn có nhiều tiến bộ” [5, tr. 19].

Sự xuất hiện của đội ngũ doanh nhân Việt Nam ngày càng tăng về số lượng và giỏi trong kinh doanh được xem là một điểm sáng trong nguồn nhân lực, có những đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Việc đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả đang từng bước đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Theo báo cáo chính trị tại đại hội Đảng lần thứ XII (2016), thị trường lao động Việt Nam có bước phát triển mới, trong 5 năm (2011 - 2015) “đã tạo việc làm cho khoảng 7,8 triệu người, trong đó đi lao động ở nước ngoài khoảng 469 nghìn người. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 2%/năm, từ 14,2% cuối năm 2010 xuống dưới 4,5% năm 2015. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi năm 2015 là 2,3%” [3, tr. 238-239].

Trong những năm qua, nguồn nhân lực của Việt Nam đang có những chuyển biến tích cực cả về số lượng lẫn chất lượng, góp phần quyết định thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, những hạn chế, yếu kém là không tránh khỏi. Chất lượng nguồn nhân lực vẫn còn thấp so với yêu cầu mới, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức; thiếu đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn giỏi, thiếu đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, thiếu đội ngũ doanh nhân giỏi, lao động

có chuyên môn kỹ thuật cao, lao động lành nghề chiếm tỷ lệ ít trong cơ cấu lao động của nền kinh tế (chỉ chiếm 21,9 %) [2, tr. 156]. Như vậy, có tới 78,1% dân số trong độ tuổi lao động chưa được đào tạo chuyên môn, kỹ thuật, đây chính là một “điểm nghẽn” đang cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội.

Một bộ phận nhân lực chưa được trang bị tốt về chuyên môn, nghiệp vụ, các kỹ năng mềm và trình độ ngoại ngữ nên không đáp ứng được yêu cầu tình hình mới. Năng lực thực hành và làm việc độc lập của người lao động chưa cao, khả năng thích ứng nhanh trong môi trường công nghiệp còn hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp và năng lực trong xử lý công việc, trong lễ lối, phong cách, tác phong làm việc, tinh thần kỷ luật, ý thức trách nhiệm. Trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ mới. Nhiều lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật tay nghề cao nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế tri thức. Xuất hiện tình trạng vừa thừa vừa thiếu nhân lực ở nhiều ngành nghề, lĩnh vực, nhiều cơ quan, xí nghiệp. Những hạn chế, yếu kém của nguồn nhân lực là một trong những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, cản trở sự phát triển của đất nước. Đúng như Đại hội lần thứ XII (2016) đã khẳng định: “chất lượng nguồn nhân lực còn thấp;... là những yếu tố cản trở sự phát triển” [3, tr. 60-61].

Bên cạnh đó, cơ cấu lực lượng lao động phân theo khu vực thành thị và nông thôn có sự chênh lệch lớn, lực lượng lao động ở nước ta chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn và có xu

hướng giảm qua các năm nhưng vẫn ở mức cao (chiếm 67,4% vào năm 2018). Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi còn cao, năm 2018 là 2,19%, trong đó khu vực thành thị là 3,10%; khu vực nông thôn là 1,73% [2, tr. 84]. Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi lao động năm 2018 là 1,40%, trong đó khu vực thành thị là 0,65%; khu vực nông thôn là 1,78% [2, tr. 84]. Trong khi đó, “thị trường lao động chưa thật thông suốt, dịch chuyển lao động còn khó khăn, thông tin về cung - cầu lao động còn hạn chế. Chuyển dịch cơ cấu lao động chậm; tỷ trọng lao động trong khu vực nông nghiệp còn lớn” [3, tr. 255]. Một nghịch lý đang tồn tại là nhà tuyển dụng “khát” nguồn nhân lực chất lượng cao thì tỷ lệ thất nghiệp ở nhóm người có trình độ cao đẳng, đại học trở lên hiện nay lại cao nhất. Thất nghiệp, thiếu việc làm ở một bộ phận sinh viên phản ánh một mâu thuẫn, thất nghiệp không phải do thiếu việc làm mà do không đáp ứng được tiêu chí để làm việc. Thiếu kỹ năng, hạn chế nghiệp vụ, yếu về giao tiếp và ngoại ngữ đang là rào cản lớn đối với thanh niên trong việc tiếp cận các cơ hội việc làm trong nước và thế giới. Bên cạnh đó, người lao động Việt Nam còn hạn chế về thể lực, kỷ luật lao động chưa cao, nhiều người còn quen theo kiểu sản xuất nhỏ và lao động giản đơn. Theo báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quan hệ lao động, trong nguồn nhân lực của nước ta hiện nay, “lực lượng lao động chủ yếu xuất thân từ lao động nông nghiệp và nông thôn, trình độ văn hóa, trình độ tay nghề thấp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong lao động công nghiệp chưa trang

bị đầy đủ. Tỷ lệ lao động làm việc trong ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất (65%), với cường độ và áp lực làm việc rất cao, công việc lại quá đơn điệu, dễ dẫn đến ức chế về tâm lý và sinh lý trong quá trình làm việc” [6, tr. 15].

Những hạn chế đối với nguồn nhân lực của nước ta hiện nay xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Công tác quản lý nhà nước, nhất là quy hoạch, kế hoạch định hướng phát triển nguồn nhân lực của các ngành vẫn còn yếu kém, khá manh mún và thiếu đồng bộ. Công tác dự báo nhu cầu nguồn nhân lực dài hạn cho phát triển kinh tế - xã hội cũng hạn chế, cơ cấu đào tạo theo ngành, nghề, trình độ đào tạo không được quy hoạch lâu dài. Các cơ sở đào tạo không đủ thông tin về cung, cầu lao động nên việc xây dựng ngành, nghề, chỉ tiêu và trình độ đào tạo hằng năm không sát thực tế. Hơn nữa, việc sử dụng lao động chưa thực hiện theo nguyên tắc đúng người, đúng việc, đúng chuyên môn. Việc đãi ngộ lao động, nhất là lao động trình độ cao hiện nay cũng chưa tương xứng với tiềm năng và sức sáng tạo của họ. Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Ngành công nghiệp tuy có tốc độ tăng trưởng cao, nhưng yếu tố hiện đại trong toàn ngành chưa được quan tâm đúng mức, trình độ kỹ thuật công nghệ nhìn chung vẫn chưa cao. Công nghiệp chế biến, đặc biệt là những ngành công nghệ cao chưa phát triển. Những ngành dịch vụ có hàm lượng chất xám và giá trị gia tăng cao như dịch vụ tài chính - tín dụng, dịch vụ tư vấn chậm phát triển. Tình trạng độc quyền, dẫn tới giá cả dịch vụ cao, chất lượng dịch vụ thấp

còn tồn tại ở nhiều ngành như điện lực, viễn thông, đường sắt. Một số ngành có tính chất động lực như giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, tính chất xã hội hóa còn thấp, chủ yếu dựa vào nguồn vốn của Nhà nước.

2.3. Quan điểm và giải pháp nhằm nâng cao nguồn nhân lực

Ở Việt Nam, ngay từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Đảng đã khẳng định: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”, “Con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng”. Mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đều nhằm hướng tới mục tiêu phát triển con người. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực là một trong những quan điểm, chủ trương nhất quán của Đảng ta trong công cuộc đổi mới đất nước.

Nhận thức được vai trò của nguồn nhân lực, trong *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010)* của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã khẳng định: “phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam” [7, tr. 91], “Xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề, các chuyên gia và nhà khoa học, nhà văn hóa, nhà kinh doanh, nhà quản lý” [8, tr. 202].

Tiếp tục phát triển quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Đại hội lần thứ X chỉ rõ: “phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là chuyên gia đầu ngành. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, trọng đãi nhân tài” [9, tr. 96]. Trên cơ sở đó, Đại hội XI đã xác định: “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn

diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ” [10, tr. 32], đây được xem là một trong ba khâu đột phá của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 của nước ta.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), vấn đề con người và phát huy nhân tố con người được tiếp cận một cách toàn diện và hệ thống hơn. Con người được nhìn nhận trên cả hai phương diện cá nhân và cộng đồng, đồng thời thể hiện rõ những điều kiện về vật chất và tinh thần đảm bảo cho con người phát triển toàn diện hơn. Tại Đại hội lần thứ XII Đảng ta đã khẳng định: “Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh” [3, tr. 435]. Để phát triển và nâng cao chất nguồn nhân lực đáp ứng được tình hình mới, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả nêu ra một số giải pháp cơ bản sau:

- Tích cực đổi mới, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Hệ thống cơ chế, chính sách có vai trò rất quan trọng, tác động trực tiếp hoặc gián tiếp, tạo động lực thúc đẩy hoặc lực cản kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế - xã hội nói chung và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nói riêng. Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, do đó, vấn đề phát triển nguồn nhân lực luôn được đặt ở vị trí trung tâm, những năm qua Đảng Cộng

sản Việt Nam, Nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách mới có tác động tích cực đến việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, một số chính sách đã bộc lộ không ít những hạn chế, bất cập, hiệu quả mang lại chưa cao. Do đó, để tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có hiệu quả đòi hỏi cần phải thường xuyên điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Việc đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách để tạo động lực cho sự phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phải được thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó giáo dục - đào tạo được xem là nhiệm vụ cơ bản nhất. Bên cạnh đó, cần coi trọng việc tạo lập các cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng và đãi ngộ người giỏi, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Tạo sự đột phá về đãi ngộ, tôn vinh nhân tài. Cần có chính sách đãi ngộ phù hợp, cơ chế thông thoáng, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho cán bộ phát huy, nhằm thu hút nhiều nhân tài, người có trình độ cao yên tâm cống hiến, khuyến khích họ lao động sáng tạo và hiệu quả, tạo điều kiện cho các tài năng trẻ cống hiến khoa học, phục vụ đất nước phát triển. Đặc biệt, các nhà lãnh đạo, quản lý cần mạnh dạn sử dụng nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao; lôi cuốn họ nỗ lực thực hiện những kiến thức, chuyên môn đã được tích lũy, được đào tạo thông qua những chính sách sử dụng hợp lý.

Mặt khác, Nhà nước cần tiếp tục đổi mới thể chế, hoàn thiện hành lang

pháp lý từ Trung ương đến địa phương nhằm tạo môi trường thuận lợi phát triển nguồn nhân lực, khuyến khích phát triển thị trường nguồn nhân lực chất lượng cao; thị trường và sản phẩm khoa học - công nghệ theo hướng hội nhập. Đồng thời tăng cường sự hợp tác hiệu quả giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các trường đại học, phát triển một số ngành mũi nhọn, chứa hàm lượng chất xám cao, đặc biệt là công nghệ thông tin, ứng dụng khoa học – công nghệ tiên tiến nhất để rút ngắn thời gian công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức.

- *Đẩy mạnh phát triển giáo dục và đào tạo*

Giáo dục - đào tạo không những là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội mà còn là một trong những cột đỡ chính của kinh tế - xã hội. Cột đỡ này yếu thì đừng nói gì đến sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Hơn nữa, giáo dục còn có ý nghĩa hết sức to lớn trong việc hình thành lý tưởng, đạo đức, nhân cách của con người Việt Nam, của thế hệ tương lai vì một xã hội tiến bộ, văn minh xã hội chủ nghĩa. Do đó, phát triển giáo dục - đào tạo coi là khâu then chốt, quyết định chất lượng nguồn nhân lực. Đảng ta xác định “Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” [9, tr. 94-95].

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cần thiết phải nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở tất cả các bậc học, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về giáo dục - đào tạo. Trong đó, bước quan trọng đầu tiên là phải có sự đổi mới cả về mục tiêu, chương trình và phương pháp dạy

học tích cực từ bậc phổ thông đến đại học. Đổi mới chương trình, nội dung đào tạo đại học theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực và phù hợp, chuyển quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn. Có chính sách đầu tư hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho giáo dục - đào tạo; đồng thời, hoàn thiện mạng lưới giáo dục trên toàn quốc, chú trọng đầu tư phát triển cho vùng sâu, vùng xa, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng đội ngũ giáo viên, giảng viên đủ về số lượng và chuẩn về chất lượng, có chính sách ưu đãi đối với giáo viên, giảng viên hiện đang công tác ở những vùng khó khăn. Nâng cao nhận thức trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân về vai trò, vị trí vô cùng quan trọng của giáo dục - đào tạo trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng đất nước, thực hiện cho bằng được quan điểm của Đảng: giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu. Tạo chuyển biến nhanh và rõ nét trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế. Đẩy mạnh xã hội hóa, giao quyền tự chủ cho các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề công lập; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao góp phần tạo nên sự phát triển bền vững xã hội. Giáo dục - đào tạo phải tạo ra những người có năng lực hòa nhập, thích nghi và phát triển được trong thị trường lao động: năng lực làm việc tập thể đồng bộ, đặc biệt là năng lực tự cập nhật thường xuyên kiến thức, chiếm lĩnh được những trình độ thành thạo

chuyên môn mới; phát triển năng lực trí tuệ, biết đặt và giải quyết vấn đề, có cách hoạt động như một cán bộ kỹ thuật, một nhà quản lý, một doanh nghiệp thực sự. Như vậy, đầu tư cho con người thông qua các hoạt động giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe, các chương trình bảo đảm việc làm và an sinh xã hội... được xem là hoạt động đầu tư có hiệu quả nhất, quyết định khả năng tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững của một quốc gia.

- Xây dựng chính sách tiền lương hợp lý

Nếu các giải pháp nêu trên giúp chúng ta có thể tạo ra lực lượng lao động đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa cả về số lượng và chất lượng, thì việc sử dụng nguồn nhân lực ấy sao cho có hiệu quả lại là vấn đề quan trọng tiếp theo mà chúng ta cần quan tâm giải quyết. Ở đây đòi hỏi chúng ta phải có cơ chế, chính sách năng động, khuyến khích trên cơ sở đổi mới chính sách tuyển dụng, đãi ngộ, tạo điều kiện để phát huy tài năng, tâm huyết của người lao động. Muốn vậy, trước tiên chúng ta phải thực hiện chế độ lương hợp lý, tức tiền lương phải trả đúng, trả đủ và kịp thời gian cho người lao động căn cứ vào số lượng và chất lượng lao động theo từng chuyên môn nghề nghiệp nhất định. Như vậy, chính sách tiền lương hợp lý là một trong những động lực quan trọng kích thích người lao động nâng cao trình độ của mình để đáp ứng được nhu cầu của công việc, đảm bảo tăng thu nhập và ổn định đời sống. Bên cạnh đó, phải biết trọng dụng người có năng lực, phải sử dụng

nguồn nhân lực phù hợp với trình độ chuyên môn của từng người để có thể phát huy tốt hơn tài năng và trí tuệ của họ. Nếu kết hợp được cả hai chính sách này cùng với một số chính sách khác trong sử dụng nguồn lực con người thì chúng ta sẽ xây dựng được một nguồn nhân lực phát triển cao cả về số lượng lẫn chất lượng, đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng tránh được tình trạng chảy máu chất xám đang diễn ra hiện nay.

3. Kết luận

Trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mỗi quốc gia, mỗi dân tộc cần phát huy triệt để các nguồn lực của mình để tạo thành sức mạnh tổng hợp đưa đất nước phát triển nhanh, tiến kịp xu thế của thời đại. Trong các nguồn lực ấy, nhân tố quan trọng hàng đầu là nguồn nhân lực. Nếu phát huy tốt nhân tố này, chúng ta sẽ có điều kiện khai thác các nguồn lực khác có hiệu quả cao hơn. Ngày nay, phát triển nguồn nhân lực ở tầm vĩ mô và vi mô là một nhu cầu cấp thiết, vì nguồn nhân lực có chất lượng tốt quyết định năng suất, năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của các quốc gia và cộng đồng doanh nghiệp. Đội ngũ nhân lực không chỉ cần nền tảng kiến thức chuyên môn vững chắc mà còn phải sở hữu khả năng thích ứng nhanh với yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin, đồng thời, phải có khả năng hội nhập nhanh trong môi trường quốc tế. Trong các nền kinh tế đang chuyển đổi như Việt Nam, vấn đề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cần phải được đánh giá và triển khai một cách hiệu quả và toàn diện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
2. Tổng cục Thống kê (2018), *Niên giám Thống kê 2018*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
4. Tổng cục Thống kê (2013), *Niên giám Thống kê 2013*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội
5. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng (2018), *Tài liệu nghiên cứu các Văn kiện Hội nghị lần thứ Bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2018), *Báo cáo quan hệ lao động năm 2017*
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006) *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

**IMPROVING THE QUALITY OF HUMAN RESOURCE
TO MEET THE REQUIREMENTS OF NATIONAL
INDUSTRIALIZATION AND MODERNIZATION**

ABSTRACT

Vietnam is currently promoting the industrialization, modernization and national integration. To accomplish the above task, apart from resources such as capital, science-technology, and resources, human resource is the most important factor. Based on the assessment of the current situation of human resource, it is necessary to focus on drastically implementing solutions to improve the quality of human resource for the country's sustainable development.

Keywords: *Quality of human resource, industrialization, modernization*

(Received: 6/11/2019, Revised: 9/1/2020, Accepted for publication: 12/3/2020)